TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/2023/QĐST-DS	*Quận 7, ngày 30 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Khắc Dương.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Thúy Loan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 337/2022/TLST-DS ngày 18/11/2022 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người bị mất năng lực hành vi" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1932; Địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1955; Địa chỉ: đường P, TT. B, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1964; Địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Phạm Kim S1, sinh năm 1972; Địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Kim G1, sinh năm 1976; Địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày:

Cha ông Phạm Văn H là ông Trần Văn C, sinh năm 1926 và mẹ ông là bà Phạm Thị T, sinh năm 1932 có 06 người con là bà Trần Thị T1, sinh năm 1955; bà Trần Thị G, sinh năm 1962; bà Trần Thị S, sinh năm 1964; ông Phạm Văn H, sinh năm 1970; bà Phạm Kim S1, sinh năm 1972 và bà Trần Kim G1, sinh năm 1976. Ông Trần Văn C, sinh năm 1926 đã chết ngày 13/114/1995 do bệnh già, hiện nay bà Phạm Thị T còn sống và còn minh mẫn nhưng đã già nên sức khỏe yếu, đi lại khó khăn.

Bà Trần Thị G, sinh năm 1962 hiện đang chung sống với ông H và mẹ ông là bà T tại địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi sinh ra thì bà G đã bị chậm phát triển tâm thần nên bà G cũng không có chồng và không có con. Do đó, trước đây mẹ ông đã có đơn yêu cầu tòa án tuyên bố chị ông mất năng lực hành vi dân sự, tuy nhiên do còn thiếu giấy khai sinh nên mẹ ông đã rút đơn yêu cầu. Trong vụ việc trước đây thì mẹ ông và các anh chị em có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chị ông và nay ông được biêt Kết luật giám định số: 1268/KL-GĐ ngày 25/4/2022 của Trung Tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Y tế, kết luận chị ông là bà Trần Thị G, sinh năm 1962 mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi thì ông đồng ý với kết luận giám định và đề nghị Tòa án sử dụng kết luận giám định trên làm cơ sở giải quyết việc dân sự và yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị G, sinh năm 1962 bị mất năng lực hành vi dân sự.

2. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

2.1. Bà Phạm Thị T trình bày như sau:

Bà Phạm Thị T và ông Trần Văn C, sinh năm 1926 có 06 người con chung như ông H trình bày.

Chồng bà là ông Trần Văn C, sinh năm 1926 đã chết ngày 13/11/1995 do bệnh già, còn bà vẫn còn minh mẫn nhưng đã già nên sức khỏe yếu, đi lại khó khăn. Con gái bà là Trần Thị G, sinh năm 1962 hiện đang chung sống với con trai bà là Phạm Văn H và bà T tại địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi sinh ra thì bà Trần Thị G đã bị chậm phát triển tâm thần, do đó bà G cũng không có chồng con gì cả. Do đó, trước đây bà có đơn yêu cầu tòa án tuyên bố con bà là Trần Thị G mất năng lực hành vi dân sự, tuy nhiên do còn thiếu giấy khai sinh nên bà đã rút đơn yêu cầu, nay bà được biết Kết luật giám định số: 1268/KL-GĐ ngày 25/4/2022 của Trung Tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Y tế, kết luận con bà là Trần Thị G, sinh năm 1962 mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi thì bà đồng ý với kết luận giám định và đề nghị Tòa án sử dụng kết luận giám định trên làm cơ sở giải quyết việc dân sự.

Nay con trai bà là ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố con gái bà là Trần Thị G, sinh năm 1962 bị mất năng lực hành vi dân sự thì bà đồng ý.

2.2. Bà Trần Thị T1, bà Trần Thị S, bà Phạm Kim S1 và bà Trần Kim G1 cùng trình bày:

Nội dung trình bày như ông H, bà T trình bày và cùng đồng ý tuyên bố bà Trần Thị G, sinh năm 1962; địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị mất năng lực hành vi dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 7 nhận định:

[01] - *Về pháp luật tố tụng:*

[02] Ông H yêu cầu tuyên bố chị ruột là bà Trần Thị G, sinh năm 1962; địa chỉ: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị mất năng lực hành vi dân sự.

[03] Theo kết quả xác minh của công an phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Bà Trần Thị G, sinh năm 1962 có mẹ là bà Phạm Thị T, cha là ông Trần Văn C (đã chết); bà G không có chồng, con; Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì bà T và ông C có các con là bà Trần Thị T1, bà Trần Thị G, bà Trần Thị S, ông Phạm Văn H, bà Phạm Kim S1 và bà Trần Kim G1.

[04] Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 và Điều 376 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H có quyền yêu cầu và yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[05] Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 7 tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[06] - *Về pháp luật nội dung:*

[07] Ông H yêu cầu tuyên bố chị ruột là bà Trần Thị G bị mất năng lực hành vi dân sự, Tòa án nhận thấy:

[08] Theo ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày từ khi sinh ra thì bà Trần Thị G đã bị chậm phát triển tâm thần.

[09] Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 1268/KLGĐ ngày 25/4/2022 của Trung Tâm pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Y tế, kết luận đối với đương sự Trần Thị G, sinh năm 1962 như sau:

[10] Về y học: Chậm phát triển tâm thần, mức độ nặng (F72-ICD10);

[11] Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

[12] Như vậy, ý kiến trình bày của đương sự phù hợp với kết luận giám định.

[13] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 7 chấp nhận yêu cầu của ông H, tuyên bố bà G bị mất năng lực hành vi dân sự.

[14] Xét yêu cầu của ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố chị ruột của ông là bà Trần Thị G, sinh năm 1962 bị mất năng lực hành vi dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[15] - Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, khoản 2, khoản 3 Điều 367, các Điều 371, 372, 376, 377 và 378 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông H về việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự:

Tuyên bố bà Trần Thị G, sinh năm 1962; Căn cước công dân số: 087162000…, ngày cấp: 12/9/2016; Nơi thường trú: đường B, phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người mất năng lực hành vi dân sự.

Thời điểm xác định bà Trần Thị G mất năng lực hành vi dân sự là ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số: AA/2021/0015091 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông H đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND P Đ, Quận G;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự. (TK Loan)

Đỗ Khắc Dương

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến thời điểm mở phiên họp, đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu của đương sự là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của đương sự, đương sự phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ[19].....
...

.....
.....

- [20].....
.....

Đối với ông Phan Văn Đính, sinh ngày 01/5/1927; Chứng minh nhân dân số: 020045454, ngày cấp: 17/4/2015, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 16 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: Số 103 đường số 47, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự[21].....

.....
.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị[22].....

.....
.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[23].....

.....
.....

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Đỗ Khắc Dương

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họtên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi: **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**